TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG
Số: 02/2019/QĐST-VDS
Ngày: 31/7/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Krông Nô, ngày 31 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: "Tuyên bố một người mất tích"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Nhi - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Nông Thị Hường- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-VDS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp số 01/2019/QĐPH-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn D, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đ.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 28/02/2019 và bản tự khai tại Tòa án, anh Trần Văn D là người yêu cầu trình bày: Anh Trần Văn D và chị Trần Thị T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn anh D, chị T sinh sống tại thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đ. Đến ngày 20/7/2015 thì chị T bỏ đi đâu anh D không biết, chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đ cho đến nay không về chung sống cùng anh D lần nào nữa, anh D đã tìm chị T khắp nơi nhưng cũng không xác định được chị T đang làm gì ở đâu, mặc dù anh đã tìm kiếm nhưng

không có kết quả. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trần Thị T mất tích theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, anh D giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trần Thị T mất tích.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 149 và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 68 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn D về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trần Thị T mất tích.

Lệ phí và chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm chị T, anh Trần Văn D phải chịu chi phí và lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô nhận định:

[1] Anh Trần Văn D và chị Trần Thị T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn đến ngày 20/7/2015 thì chị T bỏ đi đâu anh D không biết, chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đ cho đến nay hơn 02 năm không về chung sống cùng anh D lần nào nữa, anh D đã tìm chị T khắp nơi nhưng cũng không xác định được chị T đang làm gì ở đâu, mặc dù anh đã tìm kiếm nhưng không có kết quả.

[2] Trên cơ sở yêu cầu của anh D, ngày 18/3/2019 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số 03/2019/QĐ-TA đối với chị Trần Thị T được đăng trên báo Công lý nhắn tin 03 số liên tiếp số 24, 25, 26 ra các ngày 22, 27, 29/3 năm 2019; thông báo nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam nhắn tin cho chị Trần Thị T 03 lần trong các ngày 21, 22, 23/3/2019. Theo quy định tại khoản 2 Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự, đến nay đã quá 04 tháng kể từ ngày đăng phát thông báo đầu tiên nhưng chị T không trở về. Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đ cũng xác nhận chị Trần Thị T bỏ đi biệt tích khỏi địa phương từ ngày 20/7/2015 cho đến nay không có tin tức, không trở về địa phương lần nào. Do đó anh Trần Văn D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố chị Trần Thị T mất tích là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật Dân sự được chấp nhận.

[3] Anh Trần Văn D yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trần Thị T mất tích, không yêu cầu xem xét, giải quyết vấn đề nào khác nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm: Anh Trần Văn D phải chịu 3.025.000 đồng tiền chi phí đăng thông báo trên đài tiếng nói Việt Nam và đăng Báo công lý, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 3.025.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ.

Về lệ phí: Anh Trần Văn D phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 371 và 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 149 và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 68 Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Trần Văn D về việc tuyên bố chị Trần Thị T mất tích.

Tuyên bố chị Trần Thị T, sinh năm 1980, nơi cư trú cuối cùng: Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đ mất tích.

2. Về chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm: Anh Trần Văn D phải chịu 3.025.000 đồng tiền chi phí đăng thông báo trên đài tiếng nói Việt Nam và đăng Báo công lý, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 3.025.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ.

Về lệ phí: Anh Trần Văn D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí anh D đã nộp theo biên lai số 0003190, ngày 13/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

3. Về kháng cáo: Anh Trần Văn D có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Võ Thị Nhi